

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2024/HSST
Ngày: 28 - 6 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thái

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 142/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn T**; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 03/5/1972, tại tỉnh B;

Nơi ĐKHKTT: Bản H 1, phường H, thành phố Đ, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Bản P, xã M, huyện M, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Không; Con ông: Vũ Đình Đ, con bà: Nguyễn Thị T (Đã chết); Vợ thứ nhất: Vũ Thị H (Đã ly hôn), vợ thứ hai: Lò Thị D, con: Bị cáo có 01 con, sinh năm 2008; Tiền án; Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 25/4/1990 bị Công an huyện B, tỉnh Lai Châu (Nay là tỉnh B) bắt về hành vi: Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, không có hình thức xử lý. Ngày 03/8/1995 bị bắt đi tập trung cải tạo theo Quyết định số 516 ngày 19/8/1996 của UBND tỉnh Lai Châu (Nay là tỉnh B) với thời hạn 24 tháng. Ngày 17/7/2000 bị Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Lai Châu (Nay là tỉnh B) xét xử và xử phạt 9 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản của công dân” theo quy định tại Điều

155 BLHS năm 1985, sửa đổi năm 1997, ngày 26/01/2001 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 16/6/2005 bị Toà án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu xử phạt 02 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, ngày 15/6/2007 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Các bản án, Quyết định này bị cáo đã chấp hành xong, nên được coi là đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 07/02/2024, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử sơ thẩm (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 07/02/2024, bị cáo Vũ Văn T đi xe ôm của một người đàn ông không biết tên và địa chỉ đến bản Xôm, xã Thanh An, huyện B tìm mua ma túy. Khi đi đến khu vực bụi tre gần nhà Văn hoá bản Xôm, T gặp và mua của một người phụ nữ dân tộc Thái, được 01 gói ma túy có đặc điểm được gói bên ngoài bằng mảnh nilon màu hồng, bên trong có cục chất bột màu trắng đục, với giá 50.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T cầm trong lòng bàn tay phải đi xe ôm về nhà. Hồi 13 giờ 30 phút cùng ngày khi T đi bộ đến khu vực tổ dân phố 2, phường Mường Thanh, thành phố Đ thì bị tổ công tác Công an phường Tân Thanh làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Bị cáo khai đó là ma túy, loại Heroine, mục đích mua về để bản thân sử dụng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 18 giờ 40 phút, ngày 07/02/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 380/KL-KTHS ngày 09/02/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: Mẫu cục chất bột màu trắng đục gửi giám định thu giữ của bị cáo Vũ Văn T là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,21 gam.

Tại bản cáo trạng số: 77/CT-VKS-TPĐBP ngày 15/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS, xử phạt bị cáo từ 16 tháng đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 0,13 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nilon màu hồng; Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Vũ Văn T không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Hồi 13 giờ 30 phút ngày 07/02/2024 tại khu vực tổ dân phố 2, phường Mường Thanh, thành phố Đ, Vũ Văn T đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,21 gam Heroine, mục đích để bản thân sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 14 giờ 00 phút ngày 07/02/2024, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 18 giờ 40 phút, ngày 07/02/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số: 380/KL-KTHS ngày 09/02/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi tàng trữ trái phép 0,21 gam chất ma túy, với mục đích để sử dụng của bị cáo Vũ Văn T là phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 17/7/2000 bị Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Lai Châu (Nay là tỉnh B) xét xử và xử phạt 9 tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản của công dân” theo quy định tại Điều 155 BLHS năm 1985, sửa đổi năm 1997. Ngày 16/6/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu xử phạt 02 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, các bản án này bị cáo đã chấp hành xong, nên đương nhiên được xóa án tích. Ngày 25/4/1990 bị Công an huyện B, tỉnh Lai Châu (Nay là tỉnh B) bắt về hành vi: Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, không có hình thức xử lý. Ngày 03/8/1995 bị bắt đi tập trung cải tạo theo Quyết định số 516 ngày 19/8/1996 của UBND tỉnh Lai Châu (Nay là tỉnh B) với thời hạn 24 tháng, bị cáo đã chấp hành xong Quyết định này.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách

ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo là người nghiện ma túy, nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, với khối lượng ma túy mà bị cáo đã tàng trữ thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Đối với người phụ nữ dân tộc Thái, không quen biết đã bán ma túy cho bị cáo, bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Vật chứng: Đối với 0,13 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định) là vật nhà nước cấm tàng trữ, 01 mảnh nilon màu hồng, là vật không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS.
 - Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
 - Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (07/02/2024).
2. Vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 0,13 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định),

01 mảnh nilon màu hồng (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/5/2024 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/6/2024).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THA dân sự TPĐBP;
- TAND tỉnh B
- THA Hình sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

